

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN NĂM 2024
(Theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính
hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên Công ty: Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 4400115690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp lần đầu ngày 15 tháng 03 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 12 tháng 11 năm 2024.
- Vốn điều lệ: 383.635.790.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi ba tỷ sáu trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 383.635.790.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi ba tỷ sáu trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).
- Trụ sở chính: Số 05 Hải Dương, Phường 1, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.
- Điện thoại: (0257) 3823 557
- Fax: (0257) 3828 388
- Website: capthoatnuocpy.com.vn
- Mã chứng khoán: PWS

– Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên là Ban Quản lý các công trình nhà máy nước tỉnh Phú Yên và đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển:

+ Giai đoạn 9/1996 – 8/2000:

Được thành lập vào ngày 28/9/1996 trên cơ sở tổ chức lại Ban Quản lý các công trình nhà máy nước tỉnh Phú Yên, với tên gọi là Công ty Cấp nước Phú Yên hoạt động công ích theo Quyết định số 1443/QĐ-UB của UBND Tỉnh, quản lý và khai thác nhà máy nước thị xã Tuy Hòa với công suất là 5.000m³/ngày.

+ Giai đoạn 9/2000 – 11/2005:

Ngày 14/8/2000 Công ty được đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước Phú Yên theo Quyết định số 2025/QĐ-UB của UBND tỉnh với chức năng, nhiệm vụ được giao

thêm là quản lý, khai thác, duy tu, sửa chữa hệ thống thoát nước thị xã Tuy Hòa (nay là thành phố Tuy Hòa).

+ *Giai đoạn 12/2005 đến nay:*

Từ ngày 22/12/2005, Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 2878/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

Ngày 10/11/2015 được chuyển thành Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400115690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước;

2.2. Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên như sau:

– Nhà máy nước Tuy Hòa cung cấp cho phường, xã thuộc thành phố Tuy Hoà; thị xã Đông Hòa (một phần các phường Hoà Hiệp Bắc, Hoà Hiệp Trung, Hoà Hiệp Nam (điểm cuối đến cầu Đà Nông), Hoà Vinh, một phần xã Hòa Tân Đông và Khu Công nghiệp Hoà Hiệp); huyện Tuy An (một phần xã An Chấn, xã An Hoà Hải); huyện Phú Hòa (một phần xã Hòa An và điểm Tiểu thủ Công nghiệp Hòa An);

– Nhà máy nước Sông Cầu: Cung cấp cho các phường: Xuân Yên, Xuân Phú, Xuân Thành, 1 phần Xuân Đài; một phần các xã: Xuân Phương, Xuân Lâm, Xuân Thọ 1.

– Nhà máy nước Đông Bắc Sông Cầu cung cấp cho các xã: xã Xuân Bình, Xuân Lộc, Xuân Hải; cấp nước qua đồng hồ tổng cho thôn Bình Thạnh Nam, xã Xuân Bình và Khu Công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu.

– Nhà máy nước Tuy An: Cung cấp cho thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An và các xã: An Dân, An Thạch, An Ninh Tây, An Ninh Đông, An Cư, An Định.

– Nhà máy nước Đồng Xuân: Cung cấp cho thị trấn La Hai và một phần các xã: Xuân Quang 3, Xuân Long và Xuân Sơn Bắc.

– Nhà máy nước Hai Riêng: Cung cấp cho thị trấn Hai Riêng và các xã lân cận: xã Ea Bia, Ea Trol.

– Nhà máy nước Củng Sơn: Cung cấp cho thị trấn Củng Sơn và một phần xã Suối Bạc; cấp nước qua đồng hồ tổng cho một phần xã Sơn Hà;

– Nhà máy nước Phú Hòa: Cung cấp cho thị trấn Phú Hòa, Thị trấn Phú Thứ, xã Hoà Đông và bán qua đồng hồ tổng cấp nước cho xã Hoà Quang Bắc, xã Hoà Quang Nam huyện Phú Hoà

– Nhà máy nước Vũng Rô: Cung cấp cho thôn Vũng Rô và cảng Vũng Rô, xã Hòa Xuân Nam, thị xã Đông Hòa.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:

– Đại hội đồng cổ đông;

- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Ban Tổng Giám đốc:
- + Tổng Giám đốc.
- + Phó Tổng Giám đốc Thường trực.
- + Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh.
- + Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất.
- Các phòng chức năng, chi nhánh gồm:
- + Phòng Hành chính – Tổng hợp.
- + Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật.
- + Phòng Tài chính – Kế toán.
- + Phòng Pháp chế.
- + Phòng Quản lý đầu tư – Xây dựng cơ bản;
- + Chi nhánh Cấp nước số 1.
- + Chi nhánh Cấp nước số 2.
- + Chi nhánh Cấp nước số 3.
- + Chi nhánh Dịch vụ xây lắp.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển:

4.1. Các mục tiêu chủ yếu:

- Đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khách hàng trong vùng phục vụ cấp nước của Công ty, đảm bảo lưu lượng, áp lực, chất lượng nước; nâng cao chất lượng dịch vụ, chăm sóc khách hàng; phấn đấu giảm dần tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch theo lộ trình hàng năm;
- Đảm bảo hoạt động đúng ngành nghề theo Điều lệ Công ty và đầu tư chuyên sâu vào lĩnh vực cấp nước đô thị;
- Đầu tư phát triển đảm bảo đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương; đảm bảo các mục tiêu an sinh xã hội của nhà nước;
- Định hướng đầu tư phát triển bền vững và theo lộ trình đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp của Chính phủ;
- Các chỉ tiêu: Sản lượng tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận tăng trưởng ổn định, bền vững;
- Việc làm của người lao động ổn định, thu nhập bình quân đầu người ngày càng được cải thiện.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn (giai đoạn 2021-2025):

- Nâng công suất các nhà máy nước để đảm bảo năng lực sản xuất nước sạch đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn toàn tỉnh theo Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Phú Yên đã được phê duyệt.

- Phân đầu sản lượng nước thương phẩm tăng bình quân từ ≥ 5 %/năm.
- Chất lượng nước cấp đạt quy chuẩn theo quy định.
- Dịch vụ cấp nước ổn định, liên tục 24 giờ trong ngày; áp lực nước trên toàn mạng đạt quy chuẩn quy định, áp lực tại điểm bất lợi nhất đạt 10m cột nước .
- Đảm bảo hoạt động đúng ngành nghề theo Điều lệ Công ty, đầu tư chuyên sâu vào lĩnh vực cấp thoát nước đô thị và nghiên cứu xem xét mở rộng ngành nghề kinh doanh phù hợp, tăng số lượng sản phẩm phục vụ xã hội.
- Định hướng đầu tư phát triển bền vững và theo lộ trình đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp của Chính phủ.
- Các chỉ tiêu: Sản lượng tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận tăng trưởng ổn định, bền vững.
- Đời sống của người lao động ngày càng được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người ở mức trên trung bình so với các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.
- Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật- công nghệ- tin học để nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành, đổi mới phương thức phục vụ- đưa đến khách hàng các dịch vụ, phục vụ tốt nhất, thực hiện chiến lược "Hướng tới khách hàng" để tồn tại và phát triển bền vững.
- Tập trung đầu tư, đổi mới, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- Từng bước chuyển đổi nguồn nước khai thác từ nước dưới đất sang nước mặt ở những khu vực có điều kiện khai thác nước mặt, phù hợp với công nghệ của từng nhà máy để đảm bảo tính bền vững, giảm chi phí; chuyển dần sang sử dụng nguồn năng lượng thiên nhiên (năng lượng mặt trời); chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường trong khai thác nước và xử lý nước thải của các nhà máy.
- Đáp ứng đủ nhu cầu nước sinh hoạt cho cộng đồng, góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng, giảm thiểu bệnh tật do sử dụng nguồn nước ô nhiễm.
- Sản xuất kinh doanh theo hướng thân thiện với môi trường. Luôn đảm bảo cấp nước an toàn và đầy đủ cho khách hàng, đặc biệt là khi có ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.
- Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về khai thác và kinh doanh nước sạch; hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước.
- Phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp, người lao động và cộng đồng Công ty.

5. Rủi ro:

- Biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, hạn hán diễn ra trên diện rộng và kéo dài gây ra thiếu nguồn nước thô phục vụ sản xuất làm giảm sản lượng cung cấp cho khách hàng (NMN Sông Cầu, NMN Củng Sơn; NMN Vũng Rô); biên độ mặn ngày càng thâm

nhập sâu, độ mặn nguồn nước có thời điểm vượt tiêu chuẩn cho phép dẫn đến một số công trình thu phải dừng khai thác (bãi giếng khai thác thuộc NMN Sông Cầu tại thôn Bình Nông, xã Xuân Lâm). Quản lý nguồn nước (đặc biệt là nguồn nước mặt) tại một số địa phương còn chưa chặt chẽ, nhất là công tác quản lý các hộ kinh doanh nhỏ lẻ xả thải chưa qua hệ thống xử lý có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước. Các giếng khai thác được đặt ở các vị trí ven sông, nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ cao, ảnh hưởng đến khả năng khai thác của các nhà máy.

– Dân cư phân bố không đồng đều nên những khu vực xa trung tâm, nằm ngoài thành phố hoặc các thị trấn có mật độ dân cư thưa dẫn đến hiệu suất đầu tư thấp. Một số khu vực đã đầu tư mạng lưới cấp nước nhưng do người dân có thói quen và ưu tiên sử dụng nước giếng khoan, giếng đào nên rất hạn chế sử dụng nguồn nước Công ty cung cấp dẫn đến hiệu quả đầu tư tại một số khu vực không cao.

– Một số tuyến ống được đầu tư trên 20 năm thường xuyên rò rỉ làm tăng chi phí sửa chữa và thất thoát lớn.

– Công tác chỉnh trang đô thị, công tác mở rộng nâng cấp các tuyến đường đô thị thực hiện chưa đồng bộ, chưa phối hợp chặt chẽ giữa các chủ đầu tư và các đơn vị quản lý hạ tầng kỹ thuật trong đó có hạ tầng cấp nước dẫn đến một số tuyến ống bị bể trong quá trình thi công hoặc bị lấp sâu do nâng cao độ nền đường, nền vỉa hè gây khó khăn trong việc kiểm soát thất thoát rò rỉ và đầu nổi khách hàng. Hàng năm Công ty phải tự bỏ kinh phí tương đối lớn để thực hiện di dời các tuyến ống do mở rộng các tuyến đường giao thông; Tình trạng khách hàng tự ý đầu nổi sử dụng nước chưa qua đồng còn diễn ra.

– Việc khoan khai thác nước ngầm trái phép để sản xuất, sinh hoạt còn rất phổ biến trên địa bàn toàn tỉnh làm giảm nhu cầu dùng nước sạch và giảm hiệu quả đầu tư các dự án cấp nước trên địa bàn.

II. Tình hình hoạt động năm 2024:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024 được thể hiện trong bảng sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2024	Thực hiện năm 2024	So với kế hoạch (%)
1	Sản lượng nước sản xuất (TBII)	m ³	14.467.000	15.103.919	104,4%
2	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	12.200.000	12.715.320	104,2%
3	Tỷ lệ nước thất thoát, thất thu	%	15,7	15,6	-0,1%
4	Tổng doanh thu và thu nhập	Tr.đồng	136.200	142.374	104,5%
	<i>Trong đó:</i>				
	- Hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	Tr.đồng	128.000	133.810	104,5%

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2024	Thực hiện năm 2024	So với kế hoạch (%)
	- Hoạt động kinh doanh khác	Tr.đồng	2.600	2.674	102,8%
	- Hoạt động tài chính	Tr.đồng	5.000	5.870	117,4%
	- Thu nhập khác	Tr.đồng	600	20	3,3%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	30.000	41.921	139,7%
6	Nộp ngân sách (miễn thuế TNDN)	Tr.đồng	13.500	13.675	101,3%
7	Tỷ lệ cổ tức	%	4	10	250,0%

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Địa chỉ	Trình độ nghề nghiệp	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Đỗ Hoàng Long	Tổng Giám đốc	15/2/1975	106 Mạc Đình Chi, Phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Dương	Thạc sỹ Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	11/05/2020	Đại diện phần vốn C.ty Aqua One: 29,79%
2	Nguyễn Phú Liệu	Phó Tổng Giám đốc	08/9/1966	Tổ 13, khu phố Trần Phú, P2, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên	Kỹ sư Xây dựng-CN Cấp thoát nước	11/05/2020	Đại diện phần vốn Nhà nước: 10%; Cá nhân: 0,0130%
3	Nguyễn Tấn Thuận	Phó Tổng Giám đốc	28/5/1967	123 Hùng Vương, Phường 4, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên	Kỹ sư Xây dựng Dân dụng và công nghiệp; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	11/05/2020	ĐD phần vốn NN: 28,42% Cá nhân: 0,1291%
4	Nguyễn Khắc Toàn	Phó Tổng Giám đốc	03/7/1970	17A/9 Nguyễn Tất Thành, Phường 2, Tp.Tuy Hòa, Phú Yên	Kỹ sư Đô thị - Cấp thoát nước	13/07/2021	0,001%
5	Nguyễn Thị Xuân Tựu	Kế toán trưởng	19/8/1976	KP 4, Phường 2, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên	Cử nhân Kế toán doanh nghiệp	01/01/2021	0,006%

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động:

Tổng số cán bộ, người lao động trong Công ty tính đến ngày 31/12/2024 là: 240 người, phân loại lao động chi tiết theo bảng sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Tổng số	240	
1. Phân loại theo trình độ lao động	240	100
- Trình độ trên Đại học	5	2,08
- Trình độ Đại học	87	36,25
- Trình độ Cao đẳng	20	8,33
- Trình độ Trung cấp	33	13,75
- Chứng chỉ nghề	77	32,08
- Lao động phổ thông	18	7,51
2. Phân theo loại hợp đồng lao động	240	100
- Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	187	77,92
- Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm	52	21,67
- Hợp đồng lao động thời vụ, thử việc	1	0,42
3. Phân theo giới tính	240	100
- Nam	177	73,75
- Nữ	63	26,25

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, phúc lợi cho người lao động như chế độ lương, thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể, tiền ăn ca, đồng phục, bảo hộ lao động, tham quan, khám sức khỏe định kỳ, thăm hỏi ốm đau, và nhiều hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần khác.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Về thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

Bảng: Tổng hợp kết quả thực hiện năm 2024

Stt	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn (triệu đồng)	Thực hiện năm 2024	
			Kết quả thực hiện (triệu đồng)	Tỷ lệ hoàn thành so KH (%)
1	Dự án chuyển tiếp từ năm 2023	148.050	30.183	20,39%
-	Vốn huy động cổ đông	49.000	8.550	17,45%

Stt	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn (triệu đồng)	Thực hiện năm 2024	
			Kết quả thực hiện (triệu đồng)	Tỷ lệ hoàn thành so KH (%)
-	Vốn của doanh nghiệp	18.050	21.633	119,85%
-	Vốn vay	81.000	0	0,00%
2	Dự án đầu tư mới năm 2024	23.500	4.824	20,53%
-	Vốn huy động cổ đông	0	0	
-	Vốn của doanh nghiệp	23.500	4.824	20,53%
-	Vốn vay	0	0	
3	Dự án bổ sung 2024	1.349	640	47,46%
	Tổng cộng	172.899	35.648	20,62%

Trong năm 2024, Công ty đã hoàn thành đưa vào sử dụng các dự án chính như: Phát triển tuyến ống cấp nước cho thôn Tân Hòa, Tân Định, Phú Diềm thuộc xã An Hòa Hải; Dự án Mở rộng tuyến ống cấp nước thôn Mỹ Thuận Trong, xã Hoà Đồng, huyện Tây Hoà; Dự án: Cải tạo, sửa chữa thay thế tuyến ống phân phối và dịch vụ cấp nước uPVC trên các tuyến đường nội thị thuộc nhà máy nước Hai Riêng; Cải tạo, sửa chữa thay thế tuyến ống phân phối và dịch vụ cấp nước uPVC trên các tuyến đường nội thị thuộc nhà máy nước Sơn Hòa; Dự án: Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời tại nhà máy nước Chí Thạnh.

3.2. Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng:

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên đã có báo cáo số 47/BC-CTN ngày 06/3/2025 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/giảm (±%)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=(3-2)/2</i>
Tổng giá trị tài sản	516.222.255.830	495.271.069.375	-4,1%
Doanh thu thuần	127.923.685.071	136.483.957.345	6,7%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	33.881.823.075	41.994.850.523	23,9%
Lợi nhuận khác	(115.226.969)	(74.172.218)	-35,6%
Lợi nhuận trước thuế	33.766.596.106	41.920.678.305	24,1%
Lợi nhuận sau thuế	30.575.774.077	38.799.736.240	26,9%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	7,5%	10,0%	33,3%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	3,75	6,58	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	3,60	6,26	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,15	0,10	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,18	0,11	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	10,09	11,94	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,25	0,28	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,24	0,28	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,071	0,088	VCSH bq
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,060	0,077	TTS bq
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,26	0,31	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu: 38.363.579 cổ phiếu (mệnh giá 10.000đ/cổ phần), trong đó:
- + Cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 38.220.479 cổ phiếu
- + Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 143.100 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Bảng 1: Cổ đông lớn (nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần) và cổ đông nhỏ

Stt	Tên cổ đông	CMT/ GCN ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	% VDL
1	Công ty Cổ phần nước Aqua One	Số 0313062501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/12/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 27/02/2024	72/38 Ngõ Tất Tố, phường 19, quận Bình Thạnh, Tp. HCM	22.879.025	59,64
2	Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên	VSDPWSLĐ01 cấp ngày 30/4/1975	Số 07 Đường Độc Lập, Phường 7, Tp.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	14.740.600	38,42
3	Cổ đông còn lại			743.954	1,94
4	Cổ phiếu quỹ			0	0
Tổng cộng				38.363.579	100

Bảng 2: Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài

Stt	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Cổ đông trong nước	212	38.349.079	99,96
-	Tổ chức	2	37.619.625	98,06
-	Cá nhân	210	729.454	1,90
2	Cổ đông nước ngoài	6	14.500	0,04
-	Tổ chức	1	1.200	0,003
-	Cá nhân	5	13.300	0,037
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng		218	38.363.579	100

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có thay đổi

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không giao dịch trong năm 2024.

5.5. Các chứng khoán khác: Không phát hành trong năm 2024.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) *Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:*

– Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng trong năm 2024 để sản xuất chủ yếu gồm các loại hóa chất dùng xử lý nước như: Clo 29,2 tấn; PAC 94,9 tấn; Xút (NaOH) 4,3 tấn.

– Nguyên vật liệu được sử dụng để đóng gói: Không.

b) *Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:* Không

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) *Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:*

Tổng lượng điện tiêu thụ khoảng 5,08 triệu kw.

b) *Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:* Không.

c) *Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này:* Không.

6.3. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

a) *Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:*

Nguồn nước: Do Công ty cung cấp.

Lượng nước sử dụng khoảng 3.089 m³/năm.

b) *Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:* Không

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) *Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:* Không.

b) *Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:* Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) *Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:*

– Tổng số lao động tới thời điểm ngày 31/12/2024 (không bao gồm Ban điều hành): 240 người.

– Thu nhập bình quân người lao động năm 2024: 9.000.000 đồng/người/tháng.

b) *Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:* Trang bị đồng phục, bảo hộ lao động (5.000.000 đồng/người); mua bảo hiểm thân thể; khám sức khỏe định kỳ và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động...

c) *Hoạt động đào tạo người lao động:*

Chú trọng công tác đào tạo nội bộ nâng cao nghiệp vụ cho người lao động Công ty; cử người lao động đến giao lưu, học hỏi kinh nghiệm từ các Công ty Cấp nước và tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ online.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Tích cực tham gia đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội, từ thiện do các cấp phát động. Trong năm 2024 tổng số tiền đóng góp từ nguồn quỹ của Công ty và của người lao động là gần 324 triệu đồng. Trong đó:

- Mô hình giúp đỡ xã khó khăn và cán bộ, đảng viên giúp đỡ hộ nghèo theo Kế hoạch số 68-KH/TU ngày 14/02/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 64-KH/TU, ngày 28/02/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy về đẩy mạnh thực hiện Mô hình “Giúp đỡ thôn, khu phố khó khăn và hộ nghèo đến năm 2025”, cụ thể:

- + Tặng 20 suất quà, mỗi suất trị giá 1.000.000 đồng cho 20 hộ nghèo thuộc Phường 4, thành phố Tuy Hòa (20 triệu đồng).

- + Tặng 40 suất quà, mỗi suất trị giá 500.000 đồng cho 40 hộ nghèo xã EaTrol, huyện Sông Hinh nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn – 2024 (20 triệu đồng).

- + Tặng 20 suất quà, mỗi suất trị giá 500.000 đồng cho 20 hộ nghèo xã EaBia, huyện Sông Hinh nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn - 2024 (10 triệu đồng).

- Đồng hành cùng Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Phú Yên: Nhận đỡ đầu cho 05 cháu mồ côi trên địa bàn: TP Tuy Hòa, Tx Đông Hòa, huyện Phú Hòa, huyện Sông Hinh và huyện Đồng Xuân năm 2024 (30 triệu đồng).

- Đồng hành cùng Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tỉnh:

- + Ủng hộ vào Quỹ "Vì người nghèo" năm 2024 (20 triệu đồng).

- + Đóng góp hỗ trợ đồng bào các tỉnh phía Bắc bị thiệt hại do cơn bão số 3 năm 2024 (35 triệu đồng).

- Đồng hành cùng Sở Lao động-TB-XH tỉnh Phú Yên: Ủng hộ vào Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” năm 2024 (10 triệu đồng).

- Đồng hành cùng Liên đoàn lao động tỉnh Phú Yên:

- + Hỗ trợ đoàn viên, CNVCLĐ và ngư dân có hoàn cảnh khó khăn tại Chương trình "Tết sum vầy - Xuân chia sẻ" năm 2024 do LĐLĐ tỉnh tổ chức (5 triệu đồng).

- + Hỗ trợ 20 đoàn viên, công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn nhân Tháng Công nhân 2024 (10 triệu đồng).

- + Tặng 1.000 quyển vở cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại Trường Tiểu học và THCS xã Ea Lâm và Trường Tiểu học và THCS xã Ea Bá, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên nhân Lễ Khai giảng năm học mới 2024-2025 (10 triệu đồng).

- + Tham gia 04/03 chỉ tiêu được giao tham gia hiến máu tình nguyện do LĐLĐ Tỉnh tổ chức vào ngày 07/6/2024.

- Ngoài ra, Công ty còn hỗ trợ nhiều công tác từ thiện xã hội trong tỉnh như:

+ Hỗ trợ phong trào "Tết Nhân ái" xuân Giáp Thìn 2024 do Hội Chữ thập đỏ tỉnh tổ chức (5 triệu đồng).

+ Hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn tại Công ty nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024 (25 triệu đồng).

+ Hỗ trợ cho 09 gia đình người lao động thuộc Công ty có hoàn cảnh khó khăn trong 6 tháng đầu năm 2024 (70 triệu đồng).

+ Hỗ trợ cho 12 gia đình người lao động thuộc Công ty có hoàn cảnh khó khăn trong 6 tháng cuối năm 2024 (54 triệu đồng).

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) Đánh giá kết quả hoạt động:

– Trong năm 2024, Công ty hoàn thành dự án cung cấp nước tới các xã An Mỹ, xã An Hoà Hải huyện Tuy An và thôn Mỹ Thuận Trong, xã Hoà Đồng huyện Tây Hoà nên tăng số lượng khách hàng dẫn đến nhu cầu tiêu thụ nước tăng cao hơn kế hoạch dự kiến.

– Tỷ lệ nước thất thoát, thất thu nước sạch 15,6%, giảm 0,1% so với kế hoạch. Trong năm 2024 các Chi nhánh Cấp nước có nhiều cố gắng trong việc kiểm soát thất thoát nước, tỷ lệ thất thoát giảm so với năm 2023.

– Tổng doanh thu và thu nhập năm 2024 là 142.374 triệu đồng, đạt 104,5% so với kế hoạch, trong đó Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nước sạch 133.810 triệu đồng (chiếm 94,0% tổng doanh thu và đạt 104,5% so với kế hoạch); doanh thu từ hoạt động khác 2.674 triệu đồng (chiếm 1,9% tổng doanh thu và đạt 102,8% so với kế hoạch) và doanh thu từ hoạt động tài chính 5.870 triệu đồng (chiếm 4,1% tổng doanh thu và đạt 117,4% so với kế hoạch)

– Việc cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất của nhân dân và khách hàng trên địa bàn luôn đảm bảo, ổn định chất lượng, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch, góp phần vào công tác đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

– Công tác quản lý, cải tạo, phát triển mạng lưới và công tác giảm nước không doanh thu luôn được quan tâm đầu tư, thực hiện thường xuyên, góp phần đưa hoạt động kinh doanh ngày càng hiệu quả.

– Năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý ngày càng nâng cao, bám sát và đảm bảo yêu cầu công tác đề ra

– Công ty luôn hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước; việc chăm lo chế độ, chính sách cho người lao động được đảm bảo và nâng cao, đời sống người lao động được cải thiện đáng kể

b) Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

– Áp dụng nhiều công nghệ tiên tiến trong quản lý hệ thống cấp nước như Scada,

sử dụng biến tần điều khiển tự động áp lực và lưu lượng trạm bơm cấp 2 theo nhu cầu dùng nước của khách hàng thay vì điều khiển bằng tay; giám sát và đo liên tục 24/24 giờ một số chỉ tiêu quan trọng bằng thiết bị đo tự động.

- Phạm vi cung cấp nước ngày càng mở rộng, tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch năm sau cao hơn năm trước; áp lực và lưu lượng cung cấp đến khách hàng được duy trì ổn định và đáp ứng nhu cầu dùng nước của khách hàng; chất lượng sản phẩm nước sạch đến người tiêu dùng luôn được kiểm soát theo Quy chuẩn của Bộ Y tế.

- Công tác chăm sóc khách hàng ngày càng được chú trọng, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của khách hàng về lắp đặt hoặc tư vấn dùng nước sau đồng hồ; bố trí trực nhật và đảm bảo tiếp nhận kịp thời mọi thông tin, phản ánh từ khách hàng. Qua đó ngày càng nâng cao sự hài lòng của khách hàng đối với Công ty.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng; sử dụng nhiều kênh thanh toán điện tử để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng thanh toán tiền nước; xây dựng các chương trình hành động cụ thể hướng tới khách hàng nhằm giải quyết tốt nhất các yêu cầu của khách hàng.

- Các quy định, quy chế quản lý luôn được hoàn thiện và sửa đổi bổ sung để phù hợp với tình hình cụ thể.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Tình hình quản lý tài sản: Công ty mở sổ sách theo dõi chi tiết tình hình biến động các loại tài sản theo đúng quy định của Thông tư số: 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính: "Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp". Tổng giá trị tài sản cuối năm 2024 là 495.271 triệu đồng.

b) Tình hình nợ phải trả:

Quản lý nợ tại doanh nghiệp: Các khoản nợ phải thu, phải trả Công ty mở sổ theo dõi chi tiết cho từng đối tượng, định kỳ đối chiếu công nợ; Công ty không phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn thanh toán.

- Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TS ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn): 6,58
- Hệ số thanh toán nhanh: ((TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn): 6,26
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản: 0,10
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu: 0,11

Công ty sử dụng vốn hiệu quả, vốn được bảo toàn, đảm bảo khả năng chi trả các khoản nợ (khả năng thanh toán ngắn hạn: 6,58 lần; khả năng thanh toán nhanh là 6,26 lần).

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Ứng dụng phần mềm Scada để vận hành các nhà máy Nhà máy nước: Tuy Hòa, Tuy An; Riêng Nhà máy nước Tuy Hòa đầu tư tự động hóa hoàn toàn; Sử dụng biến tần điều khiển máy bơm tại tất cả các Nhà máy nước thuộc Công ty .

– Ứng dụng nhiều tiện ích của công nghệ thông tin trong công tác quản lý, cung cấp dịch vụ cho khách hàng thông qua website của Công ty với những thông tin như tra cứu về thông tin tiền nước, thanh toán tiền nước, thông tin liên kết thu tiền qua ngân hàng, quy trình và tiến độ giải quyết hồ sơ khách hàng...

– Đa dạng hóa việc thanh toán hóa đơn tiền nước qua hệ thống Ngân hàng bằng các hình thức ủy nhiệm thu; thu qua thẻ ATM, thu tại quầy ngân hàng và tiếp tục nghiên cứu thêm các kênh thanh toán tiện ích cho khách hàng và nâng cao tỷ trọng tiền nước thu được không dùng tiền mặt, đảm bảo công tác quản lý thu nộp tiền nước của Công ty ngày càng an toàn hơn. Triển khai phần mềm thu tiền nước bằng điện thoại di động tại tất cả các Chi nhánh cấp nước.

– Từng bước xây dựng và đào tạo đội ngũ quản lý, chăm sóc khách hàng làm cơ sở cho việc quản lý các phân vùng cung cấp nước nhằm thực hiện hiệu quả công tác giám sát thoát nước và phục vụ khách hàng tốt hơn.

– Ban hành quy định thưởng và xử lý trách nhiệm trong công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch nhằm nâng cao vai trò trách nhiệm của người quản lý, người lao động trong việc tham gia chống thất thoát nước sạch và xác định trách nhiệm vật chất của người trực tiếp gây ra thất thoát nước, đồng thời động viên, khuyến khích người lao động cũng như các tổ chức khác trong công tác quản lý chống thất thoát nước sạch tại Công ty.

4. Kế hoạch phát triển năm 2025:

4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Căn cứ Quyết định số 15/2024/QĐ-HĐQT ngày 26/12/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên về việc Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển năm 2025, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu : 145.300 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 31.500 triệu đồng;
- Nộp ngân sách (thuế phí) : 15.117 triệu đồng;
- Tỷ lệ cổ tức : 4,0%.

4.2. Kế hoạch đầu tư phát triển:

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản kế hoạch năm 2025: 114.150 triệu đồng. Chi tiết như bảng sau:

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn năm 2025 (tr.đồng)			
			Tổng	Vốn huy động cổ đông	Vốn của doanh nghiệp	Vốn vay
I	Dự án chuyển tiếp từ năm 2024		94.450	40.100	14.350	40.000
1	Nâng cấp, mở rộng nhà máy nước Sông Cầu từ 5.000 m³/ngày	Thị xã Sông Cầu	2.100	2.100	0	0

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn năm 2025 (tr.đồng)			
			Tổng	Vốn huy động cổ đông	Vốn của doanh nghiệp	Vốn vay
	đem lên 8.000 m ³ /ngày đêm (GD2A)					
2	Dự án đầu tư nâng cấp nhà máy nước khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ 900 m ³ /ngày đêm lên 10.000 m ³ /ngày đêm (Phân kỳ đầu tư, giai đoạn đến năm 2025: 5.000 m ³ /ngđ; giai đoạn đến năm 2030: 10.000 m ³ /ngđ)	Thị xã Sông Cầu	78.000	38.000	0	40.000
3	Phát triển mạng tuyến ống dịch vụ cấp nước khu vực huyện Tuy An	Huyện Tuy An	1.850	0	1.850	0
4	Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất nước tinh khiết đóng bình và đóng chai	thành phố Tuy Hoà	6.000	0	6.000	0
5	Cải tạo, sửa chữa thay thế tuyến ống phân phối và dịch vụ tại Chi nhánh cấp nước số 1	Thành phố Tuy Hoà, TX Đông Hoà	3.000	0	3.000	0
6	Cải tạo, sửa chữa thay thế tuyến ống phân phối và dịch vụ tại Chi nhánh cấp nước số 2	Huyện Tuy An, huyện Đồng Xuân, TX Sông Cầu	1.500	0	1.500	0
7	Đầu tư phát triển mạng tuyến ống cấp nước cho Thôn Dân Phú 1, xã Xuân Phương, thị xã Sông Cầu	xã xuân Phương, TX Sông Cầu	2.000	0	2.000	0
II	Dự án đầu tư mới năm 2025		19.700	0	19.700	0

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn năm 2025 (tr.đồng)			
			Tổng	Vốn huy động cổ đông	Vốn của doanh nghiệp	Vốn vay
1	Thay thế tuyến ống thép DN300mm qua cầu Đà Rằng cũ	TP Tuy Hòa	8.000	0	8.000	0
2	Mở rộng tuyến ống cấp nước khu vực thị xã Đông Hoà	thị xã Đông Hoà	3.000	0	3.000	0
3	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Tuy Hoà và khu vực lân cận	TP Tuy Hoà, TX Đông Hoà, huyện Tây Hoà, huyện Phú Hoà	5.000	0	5.000	0
4	Mua sắm máy móc thiết bị dự phòng	Các nhà máy trực thuộc Công ty	2.000	0	2.000	0
5	Cải tạo tường rào trạm bơm cấp 1 và Khu xử lý NMN Sơn Hoà	huyện Sơn Hoà	500	0	500	0
6	Mua sắm xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty	TP Tuy Hoà	1.200		1.200	
TỔNG CỘNG I +II			114.150	40.100	34.050	40.000

4.3. Biện pháp tổ chức thực hiện kế hoạch:

a) Hoạt động sản xuất kinh doanh:

– Lập và triển khai thực hiện triệt để kế hoạch cấp nước an toàn tại các nhà máy, trong đó chú trọng công tác phòng chống hạn hán, xâm thực mặn để duy trì ổn định nguồn nước; duy trì kiểm soát chất lượng nước theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; duy tu, bảo dưỡng máy móc thiết bị và hạ tầng cơ sở khác để đảm bảo toàn bộ hệ thống hoạt động ổn định, an toàn;

– Tăng cường các giải pháp quản trị mạng lưới đường ống (phân vùng, tách mạng, thiết lập các DMA, Block, lắp đặt thiết bị chuyên dụng ...) và tối ưu hóa vận hành để giảm thất thoát nước, phấn đấu giảm tỉ lệ thất thoát hàng năm 1%/năm; xây dựng kịch bản vận hành hợp lý để tiết kiệm điện năng cho các nhà máy. Tuân thủ thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường.

– Đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ áp dụng vào sản xuất nhất là trong vận hành hệ thống, tiết giảm nhân lực, hướng dần đến tự động hóa; kiểm soát chất lượng

nước đầu vào, nâng cao chất lượng nước đầu ra.

– Thúc đẩy thực hiện các ngành nghề kinh doanh khác như: Thi công xây lắp, tư vấn thiết kế và một số ngành nghề kinh doanh có lợi thế.

b) Đầu tư phát triển:

– Tập trung thực hiện các dự án đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng công suất các nhà máy xử lý nước nằm trong kế hoạch nhằm chủ động về năng lực sản xuất đáp ứng nhu cầu về nước sạch phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và phù hợp với mục tiêu của từng khu vực. Đồng thời từng bước thực hiện các dự án phát triển mạng lưới đường ống phù hợp với tốc độ phát triển tại địa phương. Xây dựng lộ trình thực hiện các dự án phải đáp ứng được nhu cầu về nước sạch phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

– Tổ chức phân vùng, tách mạng để điều tiết lưu lượng và điều chỉnh áp lực cho từng khu vực một cách hợp lý, hiệu quả nhằm kiểm soát thất thoát nước. Đầu tư phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước các khu vực có nhu cầu sử dụng nước.

c) Quản trị doanh nghiệp:

– Ban Tổng Giám đốc Công ty cùng lãnh đạo các đơn vị trực thuộc chỉ đạo sát sao kế hoạch đề ra, kiểm soát quá trình và kết quả thực hiện để đánh giá và có sự chỉ đạo kịp thời. Giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm cho từng đơn vị theo từng nhà máy để các đơn vị chủ động trong điều hành sản xuất.

– Tăng cường và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả công tác đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài nhằm nâng cao trình độ cán bộ công nhân viên, để điều hành, quản lý hệ thống cấp nước.

– Tăng cường các chính sách lao động, phát huy tối đa khả năng của người lao động, đồng thời tạo được tâm lý gắn bó lâu dài và luôn cống hiến vì Công ty.

– Tăng cường kỷ cương, kỷ luật lao động trong mọi hoạt động sản xuất để đảm bảo hiệu quả và an toàn.

– Tăng cường công tác quản lý tại các nhà máy nước, đảm bảo chất lượng nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành; đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của các nhà máy hướng tới an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.

d) Giải pháp về tài chính:

– Sử dụng khấu hao tài sản thu hồi hàng năm; thực hiện trích quỹ Đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế; giảm tỷ lệ chi trả cổ tức để có nguồn vốn thực hiện các dự án.

– Lựa chọn ngân hàng để vay vốn thực hiện dự án theo kế hoạch.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Không

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Tập thể người lao động toàn Công ty luôn đoàn kết, thống nhất, cố gắng hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao. Đội ngũ cán bộ người lao động Công ty có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng; đội ngũ công nhân lành nghề, nhiều kinh nghiệm. Tinh thần làm việc của phần lớn cán bộ, công nhân viên có sự thay đổi tích cực, phát huy được ý thức trách nhiệm và tinh thần tự giác trong công việc

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Doanh nghiệp đã thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng qua các việc sau:

- Đảm bảo sản xuất, cung cấp nước ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước của các đối tượng khách hàng; chất lượng sản phẩm nước sạch đến người tiêu dùng luôn được kiểm soát theo Quy chuẩn của Bộ Y tế. Góp phần thực hiện thành công các nhiệm vụ an sinh xã hội của chính quyền địa phương.

- Tích cực tham gia đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội, từ thiện do các cấp phát động. Trong năm 2024 tổng số tiền đóng góp từ nguồn quỹ của Công ty và của người lao động gần 324 triệu đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Công ty theo đúng định hướng, phù hợp với chiến lược sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 10 năm, giai đoạn 2016-2025 đã được UBND tỉnh chấp thuận.

- Về công tác quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất của Công ty vẫn ổn định, đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục, chất lượng đạt quy chuẩn đạt quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT.

- Các hoạt động của HĐQT, BKS và Ban Điều hành được duy trì theo đúng điều lệ. Thực hiện nghiêm túc công tác công bố thông tin của Công ty đại chúng.

- Công tác tài chính kế toán được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo mục tiêu bảo toàn, phát triển vốn

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện công tác điều hành đúng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định; đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ nhằm hoàn thành hoàn thành chỉ tiêu do Đại hội cổ đông giao; chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, điều hành.

- Đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động, cho cổ đông Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT:

3.1. Sản xuất kinh doanh:

Chỉ đạo, quản trị hoạt động sản xuất-kinh doanh của Công ty để đạt và vượt các chỉ tiêu chính của năm 2025 như sau:

- Sản lượng nước sản xuất : 15.532.000 m³;

- Sản lượng nước tiêu thụ : 13.200.000 m³;
- Tỷ lệ nước thất thoát, thất thu: 15,0%;
- Tổng doanh thu : 145.300 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 31.500 triệu đồng;
- Nộp ngân sách (thuế phí) : 15.117 triệu đồng;
- Tỷ lệ cổ tức : 4,0 %.

Công ty đảm bảo thực hiện tốt các giải pháp quản lý mạng lưới cấp nước và chăm sóc khách hàng để ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ; quản lý hiệu quả các chỉ tiêu kinh doanh nước sạch góp phần nâng cao doanh thu tiền nước nói riêng và hiệu quả kinh doanh nói chung.

3.2. Công tác đầu tư:

Tổng mức đầu tư các dự án trong danh mục đầu tư năm 2025 là 114.150 triệu đồng, trong đó tập trung ưu tiên thực hiện các dự án trọng điểm như sau:

- Dự án đầu tư nâng cấp nhà máy nước khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ công suất 900m³/ngđ lên 10.000m³/ngđ, phân kỳ đầu tư, giai đoạn đến năm 2025 đạt 5.000m³/ngđ; giai đoạn đến năm 2030 đạt 10.000m³/ngđ với tổng số vốn đầu tư khoảng 110 tỷ đồng (Bố trí vốn trong năm 2025 78 tỷ : Vốn huy động cổ đông là 38 tỷ đồng, vốn vay 40 tỷ đồng);

- Dự án Nâng công, mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Tuy Hòa và khu vực lân cận với tổng mức đầu tư 992 tỷ đồng (Bố trí vốn trong năm 2025: 5 tỷ đồng);

Ngoài ra, Công ty tiếp tục triển khai mở rộng mạng lưới cấp nước trên địa bàn toàn Tỉnh để phát triển khách hàng sử dụng nước, phủ kín mạng lưới cấp nước, tăng doanh thu và góp phần phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh.

3.3. Về quản lý:

- Tăng cường chỉ đạo, giám sát trong thực hiện các hoạt động điều hành doanh nghiệp đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra trong năm 2025.

- Tăng cường kỷ cương, kỷ luật lao động trong mọi hoạt động sản xuất để đảm bảo hiệu quả và an toàn.

- Tăng cường công tác quản lý tại các nhà máy nước, đảm bảo chất lượng nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành; đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của các nhà máy hướng tới an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.

3.4. Về nhân sự - lao động:

- Tăng cường thu hút, tuyển chọn và bố trí nhân sự nhằm đảm bảo đủ số lượng lao động với trình độ, kỹ năng, phẩm chất phù hợp với công việc và bố trí đúng công việc để đạt được hiệu quả cao nhất.

- Tăng cường đào tạo và khai thác để nâng cao trình độ tay nghề, các kỹ năng và nhận thức mới cho người lao động; hướng đến nâng cao các giá trị của tài sản nhân lực cho Công ty nhằm tăng khả năng cạnh tranh cũng như tăng khả năng thích ứng với môi trường đầy thay đổi.

– Sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực: Phát huy tối đa khả năng làm việc của người lao động đồng thời tạo ra sự gắn bó trung thành với Công ty; tăng cường các chính sách động viên như khen thưởng, nâng lương trước thời hạn, đề bạt ... góp phần nâng cao tinh thần và nhiệt tình cho người lao động.

– Tăng cường các dịch vụ có tính phúc lợi cho người lao động; công khai đến từng người lao động các thông tin về lao động như chính sách tiền lương, tiền công, thông tin về tuyển dụng, đề bạt, đào tạo, đánh giá kết quả công việc ... để người lao động biết, phấn đấu và gắn bó với lâu dài với Công ty.

V. Báo cáo tài chính:

1. Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên đã được lập đúng quy định.

2. Công ty đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Nha Trang thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên.

3. Ý kiến của đơn vị kiểm toán:

Đánh giá của đơn vị kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên được thể hiện tại Báo cáo kiểm toán số 3.0096/25/TC-AC ngày 24/3/2025 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phú Yên, ngày tháng 4 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Các thành viên HĐQT;
- Trưởng BKS;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Lưu VT, Tổ CBTT.

Đỗ Hoàng Long